

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được đồ án tốt nghiệp này trước hết em xin gửi lời cảm ơn đặc biệt đến.

Ban chủ nhiệm Trường đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông cùng các thầy cô giáo trong trường đã quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi để chúng em học tập và rèn luyện trong suốt thời gian theo học tại trường.

Thầy giáo **Tô Hữu Nguyên** giảng viên Trường đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông. Mặc dù bận nhiều công việc nhưng cô đã dành thời gian hướng dẫn và giúp đỡ em tận tình trong quá trình làm đồ án tốt nghiệp, nhờ vậy mà em đã hoàn thành tốt đồ án tốt nghiệp của mình đúng thời hạn..

Trong quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp mặc dù em đã có nhiều cố gắng nhưng do hạn chế về thời gian cũng như kinh nghiệm của bản thân nên bài thực tập tốt nghiệp này chắc chắn còn mắc phải những thiếu sót, rất mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để ứng dụng mà đồ án tốt nghiệp đề cập được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Thái Nguyên, 20 tháng 05 năm 2020

SINH VIÊN THỰC HIỆN

Vũ Văn Việt

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan về nội dung của Đồ án là không sao chép nội dung cơ bản từ các Đồ Án khác và sản phẩm Đồ án là do chính bản thân em nghiên cứu và xây dựng nên.

Nếu có bất kỳ vấn đề gì xảy ra liên quan đến bản quyền sản phẩm của Đồ án thì em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và Trường Đại học Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông – Đại học Thái Nguyên.

Sinh Viên

Vũ Văn Việt

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	1
LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	2
1.1. Tổng quan về thương mại điện tử	2
1.1.1. Thương mại điện tử là gì?	2
1.1.2. Lợi ích của thương mại điện tử.....	2
1.1.3. Các loại hình ứng dụng Thương mại điện tử.....	3
1.1.4. Pháp luật về thương mại điện tử	3
1.1.5. Thanh toán điện tử	4
1.2. Giới thiệu cơ sở dữ liệu	6
1.2.1. Định nghĩa cơ sở dữ liệu	6
1.2.2. My SQL là gì?.....	6
1.3. Phân tích hướng đối tượng.....	10
1.3.1. Lịch sử của UML	10
1.3.2. UML ngôn ngữ mô hình hóa đối tượng	10
1.3.3. Giới thiệu các biểu đồ của UML.....	11
1.4. Ngôn ngữ lập trình PHP	12
1.4.1. Giới thiệu về PHP	12
1.4.2. Lịch sử ra đời và phát triển.....	13
1.4.3. Cách làm việc của PHP	14
1.4.4. Ưu điểm của PHP	14
1.4.5. Các tùy chọn của PHP	15
CHƯƠNG 2 KHẢO SÁT, PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ WEBSITE	17
2.1. Khảo sát hệ thống	17
2.1.1. Khảo sát hiện trạng.....	17
2.1.2. Khảo sát quy trình trên một số website	20
2.1.3. Đánh giá hiện trạng hệ thống.....	21
2.1.4. Thông tin vào ra của hệ thống	23
2.2. Phân tích hệ thống	25

2.2.1. Biểu đồ Use Case.....	25
2.2.2. Biểu đồ hoạt động.....	33
2.2.3. Biểu đồ lớp	43
2.2.4. Biểu đồ trình tự	44
CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG WEBSITE	49
3.1 . Trang dành cho khách hàng	49
3.1.1. Trang chủ	49
3.1.2. Trang chi tiết	50
3.1.3. Trang liên hệ.....	50
3.1.5. Trang xem giỏ hàng.....	51
3.2. Trang dành cho quản trị viên	51
3.2.1. Trang đăng nhập vào hệ thống	51
3.2.2. Trang sản phẩm	52
3.2.3. Trang thêm thành viên.....	52
3.2.4. Trang thêm sản phẩm.....	53
KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN	54
TÀI LIỆU THAM KHẢO	55
NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN	56

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Cách làm việc của PHP	14
Hình 2.1 Phiếu nhập kho	19
Hình 2.2 Phiếu chuyển kho.....	19
Hình 2.3 Phiếu đặt, xuất hàng.....	20
Hình 2.4: Biểu đồ Use Case cho tác nhân khách hàng.....	26
Hình 2.5: Biểu đồ Use Case cho tác nhân Admin.....	27
Hình 2.6: Activity Cập nhật.....	33
Hình 2.7: Activity đặt hàng.....	34
Hình 2.8: Activity QL xóa đơn hàng.....	35
Hình 2.9: Activity QL thêm Sản Phẩm	36
Hình 2.10: Activity QL sửa Sản Phẩm.....	37
Hình 2.11: Activity QL xóa Sản Phẩm.....	38
Hình 2.12: Activity giỏ hàng	39
Hình 2.13: Activity QL thêm thành viên.....	40
Hình 2.14: Activity QL xóa thành viên.....	41
Hình 2.15: Activity QL sửa thành viên	42
Hình 2.16: Biểu đồ lớp	43
Hình 2.17: Biểu đồ trình tự QL thành viên.....	44
Hình 2.18: Biểu đồ trình tự QL sản phẩm	45
Hình 2.19: Biểu đồ trình tự Đặt hàng.....	45
Hình 2.20: Biểu đồ trình tự xem đơn hàng.....	46
Hình 2.21: Biểu đồ trình tự thêm giỏ hàng.....	46
Hình 2.22: Biểu đồ trình tự xem DSSP	47
Hình 2.23: Biểu đồ trình tự xem liên hệ.....	47
Hình 3.24: Biểu đồ trình tự xóa liên hệ.....	48
Hình 3.1: Giao diện trang chủ.....	49
Hình 3.2: Giao diện trang chi tiết sản phẩm	50
Hình 3.3: Giao diện trang liên hệ	50
Hình 3.4: Giao diện giỏ hàng.....	51

Hình 3.5: Giao diện trang đăng nhập	51
Hình 3.6: Giao diện trang sản phẩm.....	52
Hình 3.7: Giao diện trang thêm thành viên	52
Hình 3.8:Giao diện trang thêm sản phẩm.....	53

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây với sự phát triển vượt trội của khoa học kỹ thuật đặc biệt là công nghệ thông tin, với những ứng dụng của công nghệ thông tin vào các lĩnh vực đã đóng góp phần to lớn cho sự nghiệp phát triển của con người. Trong các lĩnh vực đó thì lĩnh vực quản lý là thật sự giúp ích được rất nhiều cho con người, việc áp dụng quản lý và mua bán bằng máy tính thay cho quản lý và mua bán bằng thủ công ở các doanh nghiệp, công ty, cá nhân... là rất cần thiết và thật sự cần thiết. Do đó, việc “quản lý mua bán hàng qua mạng ” là không thể thiếu được trong mọi doanh nghiệp, cửa hàng vừa và nhỏ .

Năm 2008 là năm đầu tiên Việt Nam có sự phát triển lớn mạnh về lĩnh vực thương mại khi chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức thương mại thế giới WTO. Với sự phát triển mạnh mẽ đó không thể phủ nhận sự đóng góp của thương mại điện tử, một lĩnh vực nóng bỏng hiện nay! Một đất nước đang phát triển mạnh mẽ, cuộc sống con người càng ngày càng nâng cao, mức tiêu thụ sản phẩm càng ngày càng tăng...Tóm lại nhu cầu con người càng ngày càng cao. Vì thế việc trao đổi mua bán cũng như quản lý hàng hóa cần phải có sự thay đổi từ thủ công sang máy móc.

Chương trình chạy trên môi trường hệ điều hành WinXP, WinServer, Linux sử dụng ngôn ngữ chuẩn về xử lý dữ liệu như PHP, HTML, JavaScript, XML, CSS và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Dùng Xampp làm môi trường WebServer hỗ trợ sẵn Apache, PHP, MySQL.

Vì khả năng và thời gian còn hạn chế, Website không tránh khỏi có những thiếu sót nhất định, rất mong sự góp ý kiến của quý thầy cô và các bạn để Website được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1. Tổng quan về thương mại điện tử

1.1.1. Thương mại điện tử là gì?

Có nhiều khái niệm về thương mại điện tử (TMĐT), nhưng hiểu một cách tổng quát, thương mại điện tử là việc tiến hành một phần hay toàn bộ hoạt động thương mại bằng những phương tiện điện tử. TMĐT vẫn mang bản chất như các hoạt động thương mại truyền thống. Tuy nhiên, thông qua các phương tiện điện tử mới, các hoạt động thương mại được thực hiện nhanh hơn, hiệu quả hơn, giúp tiết kiệm chi phí và mở rộng không gian kinh doanh.

TMĐT ngày càng được biết tới như một phương thức kinh doanh hiệu quả từ khi Internet hình thành và phát triển. Chính vì vậy, nhiều người hiểu TMĐT theo nghĩa cụ thể hơn là giao dịch thương mại, mua sắm qua Internet và mạng (ví dụ mạng Intranet của doanh nghiệp).

1.1.2. Lợi ích của thương mại điện tử

Lợi ích lớn nhất mà TMĐT đem lại chính là sự tiết kiệm chi phí và tạo thuận lợi cho các bên giao dịch. Giao dịch bằng phương tiện điện tử nhanh hơn so với giao dịch truyền thống, ví dụ gửi fax hay thư điện tử thì nội dung thông tin đến tay người nhận nhanh hơn gửi thư qua đường bưu điện. Các giao dịch qua Internet có chi phí rất rẻ, một doanh nghiệp có thể gửi thư tiếp thị, chào hàng đến hàng loạt khách hàng chỉ với chi phí giống như gửi cho một khách hàng. Với TMĐT, các bên có thể tiến hành giao dịch khi ở cách xa nhau, giữa thành phố với nông thôn, từ nước này sang nước kia, hay nói cách khác là không bị giới hạn bởi không gian địa lý. Điều này cho phép các doanh nghiệp tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian gặp mặt trong khi mua bán. Với người tiêu dùng, họ có thể ngồi tại nhà để đặt hàng, mua sắm nhiều loại hàng hóa, dịch vụ thật nhanh chóng tiết kiệm được thời gian.

Những lợi ích như trên chỉ có được với những doanh nghiệp thực sự nhận thức được giá trị của TMĐT. Vì vậy, TMĐT góp phần thúc đẩy sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp để thu được nhiều lợi ích nhất. Điều này đặc biệt quan

trọng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, khi các doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh một cách bình đẳng với các doanh nghiệp nước ngoài.

1.1.3. Các loại hình ứng dụng Thương mại điện tử

Dựa vào chủ thể của thương mại điện tử, có thể phân chia thương mại điện tử ra các loại hình phổ biến như sau:

- Giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp - B2B (business to business).
- Giao dịch giữa doanh nghiệp với khách hàng - B2C (business to consumer).
- Giao dịch giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước - B2G (business to government).
- Giao dịch trực tiếp giữa các cá nhân với nhau - C2C (consumer to consumer).
- Giao dịch giữa cơ quan nhà nước với cá nhân - G2C (government to consumer).

1.1.4. Pháp luật về thương mại điện tử

Ngày 1/3/2006, Luật Giao dịch điện tử Việt Nam chính thức có hiệu lực. Đến cuối năm 2007, bốn trong số năm Nghị định hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử đã được ban hành, về cơ bản hoàn thành khung pháp lý cho việc triển khai ứng dụng giao dịch điện tử trong các lĩnh vực lớn của đời sống xã hội.

Ngày 9/6/2006, Chính phủ ban hành Nghị định về Thương mại điện tử với việc thừa nhận chứng từ điện tử có giá trị pháp lý tương đương chứng từ truyền thống trong mọi hoạt động thương mại từ chào hàng, chấp nhận chào hàng, giao kết hợp đồng cho đến thực hiện hợp đồng.

Ngày 15/02/2007 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP quy định chi tiết về Chữ ký số và Dịch vụ chứng thực chữ ký số được ban hành. Nghị định này quy định về chữ ký số và các nội dung cần thiết liên quan đến sử dụng chữ ký số, bao gồm chứng thư số và việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số. Đây là những quy định nền tảng để thiết lập một cơ chế đảm bảo an ninh an toàn cũng như độ tin cậy của các giao dịch điện tử, là điều kiện tiên quyết về mặt kỹ thuật để thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử rộng rãi trong xã hội.

Ngày 23/2/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính. Nghị định

này ra đời nhằm đảm bảo các điều kiện cần thiết để hình thành và phát triển một môi trường giao dịch điện tử an toàn, hiệu quả; giúp Chính phủ quản lý được giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ tài chính, giảm thiểu hậu quả xấu phát sinh trong giao dịch điện tử như trốn thuế, gian lận khi lập hóa đơn chứng từ.

Ngày 8/3/2007, Nghị định số 35/2007/NĐ-CP về Giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng được ban hành tập trung hướng dẫn việc áp dụng Luật Giao dịch điện tử cho các hoạt động ngân hàng cụ thể, bảo đảm những điều kiện cần thiết về môi trường pháp lý để củng cố, phát triển các giao dịch điện tử an toàn và hiệu quả đối với hệ thống ngân hàng.

1.1.5. Thanh toán điện tử

Thanh toán điện tử là hình thức thanh toán tiến hành trên môi trường internet, thông qua hệ thống thanh toán điện tử người sử dụng mạng có thể tiến hành các hoạt động thanh toán, chi trả, chuyển tiền, ...

Thanh toán điện tử được sử dụng khi chủ thẻ tiến hành mua hàng trên các siêu thị ảo và thanh toán qua mạng. Để thực hiện việc thanh toán, thì hệ thống máy chủ của siêu thị phải có được phần mềm thanh toán trong website của mình.

Trao đổi dữ liệu tài chính chuyên phục vụ cho thanh toán điện tử giữa các công ty giao dịch với nhau bằng điện tử.

Tiền mặt Internet là tiền được mua từ nơi phát hành (ngân hàng hoặc một tổ chức tín dụng nào đó), sau đó được chuyển đổi tự do sang đồng tiền khác thông qua Internet, áp dụng trong phạm vi một nước cũng như giữa các quốc gia, tất cả điều được thực hiện bằng kỹ thuật số hóa, vì thế tiền mặt này còn có tên là “tiền mặt số hóa” có công nghệ đặc thù chuyên phục vụ mục đích này, đảm bảo mọi yêu cầu của người bán và người mua theo luật quốc tế. Tiền mặt Internet được người mua hàng mua bằng đồng nội tệ rồi dùng mạng Internet chuyển cho người bán hàng. Thanh toán bằng tiền Internet đang trên đà phát triển nhanh, nó có ưu điểm nổi bật sau:

- có thể dùng để thanh toán những món hàng giá trị nhỏ, thậm chí ngay cả tiền mua báo (vì chi phí giao dịch mua hàng và chuyển hàng rất thấp).